

Số: 62/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 11/2026/TT-BKHHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù, nhà nước mua và phổ biến công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BKHHCN ngày 31/3/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ trong dự án đầu

tư, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 28/2022/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 261/TTr-SKHCN ngày 08/6/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy chế quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản & TCTHPL - Bộ Tư Pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Hiệp hội Sản xuất công nghiệp; Hội các doanh nghiệp cơ khí tỉnh Bắc Ninh;
- Các tập đoàn, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
 - + LĐVP, trưởng các phòng, đơn vị,
 - + TTTT (01 bản giấy, 01 bản điện tử đăng Công báo);
- Lưu: VT, KGVX (02 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 17/7/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối tượng công nghệ chuyển giao, hình thức, phương thức và nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ; danh mục công nghệ

1. Đối tượng công nghệ được chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 4 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15; hình thức chuyển giao công nghệ, phương thức chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.

2. Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao quy định tại Điều 17 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Nội dung Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15.

Điều 4. Đăng ký, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 31 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15.

2. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 33 Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Luật số 07/2017/QH14 .

4. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ:

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP;

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP;

c) Đối với đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 68 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 4 Điều này.

Điều 5. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Sở Khoa học và Công nghệ hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Khuyến khích cung cấp thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân là bên nhận chuyển giao công nghệ, bên chuyển giao công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ và tổ chức, cá nhân có liên quan khác đến hoạt động chuyển giao công nghệ cung cấp thông tin về hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn về tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 của Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 8. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn xem xét quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định nội dung về công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, trừ dự án đầu tư theo Luật Đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này, dự án đầu tư sau đây phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 101/2026/NĐ-CP;

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ được quy định tại Phụ lục II, III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Trong giai đoạn xem xét quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định tại Điều 13 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm 3, khoản 9 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15 như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Dự án đầu tư xây dựng có sử dụng công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định nội dung về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công mà không có cấu phần xây dựng, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà có hoặc không có cấu phần xây dựng, việc thẩm định nội dung về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Trường hợp triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư mà có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến

về công nghệ thì dự án phải tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định tại khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ không thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này nhưng do tổ chức, cá nhân tự đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không có cấu phần xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15, chỉ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Trong giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư theo Luật Đầu tư không có cấu phần xây dựng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15 được thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ;

c) Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đầu tư, có trách nhiệm rà soát, xác định dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường để phục vụ yêu cầu quản lý công nghệ trong dự án.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn xem xét quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án

1. Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 115/2025/QH15, chỉ thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc có ý kiến thẩm định về công nghệ đối với dự án sử dụng chỉ thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh

của pháp luật đầu tư công và các dự án đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư và dự án đầu tư xây dựng khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm này.

2. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án trong giai đoạn xem xét quyết định đầu tư hoặc phê duyệt dự án quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 8 Quy định này được thực hiện như sau:

a) Dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật Luật Đầu tư công: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Dự án đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư và dự án đầu tư xây dựng khác không thuộc trường hợp điểm a khoản này: Các Sở, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Các Sở, cơ quan chuyên môn quản lý về ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc khoản 4 Điều 8 Quy định này theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy định này.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy định này.

Điều 11. Kinh phí thực hiện thẩm định công nghệ

Nội dung chi và mức chi áp dụng theo các quy định hiện hành.

Điều 12. Thẩm định công nghệ trong các trường hợp đặc thù

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ có nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

2. Tiêu chí thẩm định công nghệ trong các trường hợp đặc thù thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

3. Hội đồng tư vấn thẩm định công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

4. Tổ chức đánh giá việc thử nghiệm công nghệ trong điều kiện thực tế theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

5. Kinh phí tổ chức thẩm định công nghệ dự án đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 101/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Các dự án đầu tư có ứng dụng và chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 13 Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15 phải được kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện.

2. Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành có liên quan để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 11 Điều 1 Luật số 115/2025/QH15.

Điều 14. Xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ

Các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ và thẩm quyền xử phạt thực hiện theo Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP và Nghị định số 88/2026/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì theo dõi, tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thẩm định công nghệ và chuyển giao công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao, dự án đầu tư sử dụng công nghệ do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ; phối hợp với cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

4. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động thẩm định công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định pháp luật. Tổ chức việc xác định công nghệ, giám định công nghệ trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan đăng ký đầu tư.

6. Chủ trì tổng hợp, cập nhật các chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 45/2025/TT-BKHCHN ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; trong đó công tác quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh: mã số 0234 Số doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện ứng dụng, đổi mới công nghệ từ ngân sách nhà nước; mã số 0235 Số doanh nghiệp được đánh giá trình độ, năng lực công nghệ trong ngành sản xuất; mã số 0236 Số công nghệ, thiết bị được quảng bá, giới thiệu nhằm hỗ trợ hoạt động chuyển giao và ứng dụng công nghệ; phối hợp báo kết quả xây dựng, phát triển lộ trình đổi mới công nghệ đối với một số ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương theo Biểu mẫu số 05.13/LTĐMCN ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-BKHCHN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Hằng năm thống kê tình hình thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ hoặc đề nghị cho ý kiến về công nghệ do chủ đầu tư thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này gửi đến và đề chủ trì, phối hợp thẩm định công nghệ hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo quy định của Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan; kiểm tra, giám sát về công nghệ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thu thập, tổng hợp, cập nhật, báo cáo số liệu thống kê ngành khoa học và công nghệ.

2. Thống kê tỉnh chủ trì thực hiện điều tra, khảo sát các chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định tại Thông tư số 45/2025/TT-BKHCHN ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hằng năm.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh liên quan

a) Tiếp nhận hồ sơ thẩm định công nghệ từ cơ quan tiếp nhận đầu tư hoặc của chủ đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ, trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý theo quy định của Quy định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; phối hợp với cơ quan chức năng trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ tại địa phương.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực trong hồ sơ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; chấp hành đúng phương án công nghệ đã thẩm định và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin tình hình đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi được yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ phải đảm bảo nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26 Luật số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15.

4. Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo số liệu thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

